

Số: /GPMT-UBND Lai Châu, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 15/TCLC-GPMT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thành Công Lai Châu về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Lai Châu;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 618/TTr-STNMT ngày 21 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Thành Công - Lai Châu có địa chỉ tại tổ dân phố 32, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Lai Châu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố 3, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 6200105804, do Phòng Đăng ký

kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2020, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 01 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 200105804.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh phân bón hữu cơ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án: 10.000 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 40.000 tấn sản phẩm phân bón hữu cơ/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thành Công Lai Châu

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thành Công Lai Châu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: **10 năm.**

(từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034)

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần Thành Công Lai Châu;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tân Uyên;
- UBND thị trấn Tân Uyên;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V1, V3, HCC, CB;
- Lưu: VT, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng.....năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải****1.1. Nước thải sinh hoạt**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà điều hành, nhà ở công nhân (nước bồn cầu, vệ sinh chân tay).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bảo vệ, nhà ăn (nước bồn cầu, vệ sinh chân tay).

1.2. Nước thải sản xuất: Quá trình sản xuất của nhà máy không làm phát sinh nước thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Nà Cóc tại tổ dân phố 3, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải số 01 tương ứng nguồn thải số 01: Sau xử lý được chảy đường ống PVC Ø110 ra suối Nà Cóc tại tổ dân phố 3, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Dòng nước thải số 02 tương ứng nguồn thải số 02: Sau xử lý được chảy đường ống PVC Ø110 ra suối Nà Cóc tại tổ dân phố 3, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=2454264,7; Y=577938,9

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 103⁰, múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,8 m³/ngày (24 giờ).

- Dòng nước thải số 01: 0,6 m³/ngày.đêm.

- Dòng nước thải số 02: 0,2 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Dòng số 01: Nước thải từ khu vực nhà văn phòng, nhà ở công nhân được xử lý qua bể tự hoại và hồ sinh học rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là suối Nà Cóc.

- Dòng số 02: Nước thải khu vực nhà bảo vệ được xử lý qua bể tách mỡ, bể tự hoại và hồ sinh học rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là suối Nà Cóc.

- Hình thức xả thải: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày, xả các ngày trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT - cột B với hệ số K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12		
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	12		
7	NNitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	60		
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải từ các bồn cầu (WC1, WC2) được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn dung tích 30m³ (kích thước LxBxH = 5m x 3m x 2m) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC Ø110 dẫn đến hồ sinh học có dung tích 1.485 m³ (kích thước LxBxH = 40,5m x 18m x 2m) để xử lý.

- Nước thải từ khu vực nhà ăn được xử lý qua bể tách mỡ 8,33 m³ (kích thước LxBxH = 3,86m x 1,44m x 1,5m) để thu hồi mỡ, sau đó theo đường ống PVC Ø110 dẫn đến hồ sinh học có dung tích 1.485m³ (kích thước LxBxH = 40,5m x 18m x 2m) để xử lý.

- Nước thải tắm giặt và thoát sàn thoát trực tiếp qua đường ống PVC Ø110 dẫn đến hồ sinh học có dung tích 1.485 m³ (kích thước LxBxH = 40,5m x

18m x 2m) để xử lý.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hồ sinh học có dung tích 1.485 m³ (kích thước LxBxH = 40,5m x 18m x 2m), sau đó theo đường ống PVC Ø110 thoát ra suối Nà Cóc nằm ở phía Nam khu đất của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

1.2.1.1. Bể tự hoại 3 ngăn

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải bồn cầu (WC1, WC2) → Bể tự hoại 3 ngăn (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc) → hồ sinh học.

- Số lượng: 02 bể (01 bể tại khu nhà văn phòng, nhà ở công nhân và 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ).

- Dung tích: 30 m³/01 bể (kích thước LxBxH = 5m x 3m x 2m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh DW.97.

1.2.1.2. Bể tách mỡ

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà ăn → Bể tách mỡ 3 ngăn (Ngăn lọc rác → Ngăn lọc mỡ → Ngăn nước xả) → hồ sinh học.

- Số lượng: 01 bể.

- Dung tích: 8,33 m³ (kích thước LxBxH = 3,86m x 1,44m x 1,5m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.1.3. Hồ sinh học

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ 02 bể tự hoại, nước thải tắm giặt, nước thải nhà ăn sau khi qua bể tự hoại, bể tách mỡ → Hồ sinh học.

- Số lượng: 01 hồ sinh học.

- Dung tích: 1.458 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vật liệu sử dụng là thực vật thủy sinh (bèo tây).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Vận hành các bể xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế; kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của các bể xử lý nước thải sinh hoạt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 02 tháng, sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu nhà bảo vệ; khu nhà văn phòng, nhà ở công nhân.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại điểm xả nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, sau hồ sinh học thoát ra Suối Nà Cóc. Tọa độ X=2454264.7; Y=577938.9.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103⁰, múi chiều 3⁰)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải) và nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của chủ dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần Thành Công Lai Châu có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty Công ty cổ phần Thành Công Lai Châu chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng.....năm
2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Hoạt động của các máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất, hoạt động của các thiết bị như quạt, máy bơm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Lai Châu. Tọa độ đại diện: X=2454301,0; Y=578127,5.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 103°, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không áp dụng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không áp dụng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung nằm trong không gian của cơ sở, cách xa khu dân cư nên không yêu cầu công trình giảm thiểu.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng....năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng phát sinh chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên dự kiến:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt thải	18 02 01	2
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1
3	Các tạp chất lẫn dầu	05 01 02	2
Tổng số lượng			5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường (Bao bì, thùng carton) phát sinh: Khoảng 100 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 4,2 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu chứa.

- Diện tích kho: 4 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Vách bằng tôn màu sóng vuông, nền đổ bê tông đá xoa phẳng, có mái che, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao tải.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa riêng mà lưu chứa tại nhà kho nguyên liệu.

- Diện tích: 375 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho xây tường bao, nền xi măng chống thấm, có mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng.....năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó, cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.